

Số: 489/BC-NHCS

Thái Nguyên, ngày 8 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM
KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Sáu tháng đầu năm 2022, toàn Chi nhánh đã chủ động bám sát chỉ đạo của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH); Nghị quyết của Ban đại diện HĐQT; mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kết quả đạt được trên các mặt hoạt động như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

1. Thực hiện Chỉ thị số 40/CT-TW; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách tại địa phương:

- Ngay từ đầu năm Chi nhánh tỉnh và các PGD đã tích cực phối hợp với các sở, ban ngành và cơ quan liên quan tham mưu HĐND-UBND cùng cấp chuyển nguồn vốn ủy thác đầu tư sang NHCSXH để cho vay chương trình Giải quyết việc làm tại địa phương. Kết quả nguồn ủy thác địa phương đến 30/6/2022 đạt 166.216 triệu đồng, tăng 22.725 triệu đồng so với 31/12/2021 (143.491 triệu đồng), đạt 113% kế hoạch giao năm 2022. Trong đó vốn Ngân sách cấp tỉnh: 84.160,4 triệu đồng, tăng 10.000 triệu đồng so với 31/12/2021; vốn Ngân sách cấp huyện: 72.946,4 triệu đồng, tăng 13.100 triệu đồng so với 31/12/2021 (59.846 triệu đồng); Vốn ủy thác đầu tư của Doanh nghiệp: 9.109,2 triệu đồng.

2. Công tác tham mưu, phối hợp, chỉ đạo thực hiện

2.1 Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP

- Để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 11/NQ-CP, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 16/2/2022 về việc triển khai quyết liệt, hiệu quả về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và đẩy nhanh tiến độ vốn đầu tư công; văn bản số 1315/UBND-KT ngày 05/4/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; văn bản số 1751/UBND-KT ngày 28/4/2022 về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; văn bản số 2336/UBND-KT ngày 01/6/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ

- Chi nhánh đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-NHCS ngày 16/2/2022 thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ban chỉ đạo; xây dựng kế hoạch số

121/NHCS-KHTD ngày 11/2/2022 để triển khai thực hiện; văn bản số 148/NHCS-KHTD ngày 04/3/2022 về việc thực hiện tín dụng chính sách theo Nghị quyết số 11/NQ-CP; văn bản số 437/NHCS-KHTD ngày 15/6/2022 về việc đôn đốc thực hiện các Chương trình theo Nghị quyết số 11/NQ-CP

- Để triển khai rà soát nhu cầu vốn thực hiện các Chương trình theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, chi nhánh đã tham mưu UBND tỉnh và ban hành các văn bản chỉ đạo rà soát nhu cầu vốn, ban hành các văn bản phối hợp với các Sở ngành có liên quan để rà soát nhu cầu vốn.

- Để thực hiện công tác tuyên truyền, Chi nhánh đã triển khai in tờ rơi tuyên truyền về chương trình tín dụng HSSV mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến, chương trình cho vay cơ sở mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; In phướn tuyên truyền về cho vay nhà ở xã hội, phướn tuyên truyền về cho vay HSSV mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến; thực hiện đăng tải các tin bài truyền thông trên báo, đài địa phương, cổng thông tin điện tử.

- Kết quả thực hiện: Tổng nguồn vốn được giao thực hiện các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP là 162.900 triệu đồng. Đến 30/6/2022 các chương trình cho vay theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã giải ngân được 126.485 triệu đồng/162.900 triệu đồng đạt 77,65% kế hoạch giao. Trong đó cho vay giải quyết việc làm đã giải ngân 114.450/120.000 triệu đồng, NOXH đã giải ngân 7.435/21.500 triệu đồng, Mua máy tính đã giải ngân được 4.080/8.200 triệu đồng, cơ sở giáo dục mầm non tiểu học ngoài công lập đã giải ngân 520/1.700 triệu đồng, chương trình cho vay thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 0/1.500 triệu đồng.

Tổng số tồn chưa giải ngân của các chương trình theo Nghị quyết số 11/NQ-CP là 36.415 triệu đồng.

2.2 Công tác triển khai tổng kết 20 năm triển khai thực hiện tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 45/BĐD-KH ngày 30/5/2022 Tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 thành lập Ban chỉ đạo tổng kết tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, tham mưu Trưởng ban chỉ đạo tổng kết ban hành quyết định số 44/QĐ-BCĐ ngày 27/5/2022 phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để triển khai thực hiện.

Đến nay tại chi nhánh có PGD huyện Võ Nhai đã thực hiện xong công tác tổng kết 20 thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP

2.3 Công tác chỉ đạo, điều hành

Sáu tháng đầu năm năm 2022, Chi nhánh đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị Định về chế độ, chính sách tín dụng của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng Giám đốc NHCSXH; chuyển tải đầy đủ các văn bản chế độ mới đến cấp Ủy, Chính quyền địa phương, BDD HĐQT NHCSXH các cấp; ngoài các văn bản trên, nhằm tổ chức triển khai thực hiện tốt hoạt động TDCS tại địa phương, Chi nhánh đã tham mưu trưởng BDD cụ thể hóa và ban hành các văn bản chỉ đạo của Trung ương.

- Tham mưu Trưởng BDD HĐQT NHCSXH cùng cấp tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả hoạt động năm 2021, triển khai nhiệm vụ năm 2022 của BDD HĐQT và NHCSXH.

- Tham mưu Giám đốc Chi nhánh ban hành văn bản số 13/NHCS-KHTD ngày 05/01/2022 về việc triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2022 để các phòng giao dịch chủ động trong việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được giao. Văn bản số 60/NHCS-KHTD ngày 13/1/2022 V/v lập hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro năm 2022.

- Thực hiện hoàn thành công tác đối chiếu phân loại nợ năm 2021 theo văn bản 10726/NHCS-QLN ngày 19/11/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH, văn bản số 870/BDD-NHCS ngày 30/11/2021 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thái Nguyên và văn bản số 880/NHCS-KHTD ngày 02/12/2021 của NHCSXH. 9/9 đơn vị hoàn thành công tác đối chiếu; 178/178 xã hoàn thành công tác đối chiếu; 2.816/2.816 tổ TKVV hoàn thành công tác đối chiếu; số khách hàng hoàn thành công tác đối chiếu là 83.207/83.253 khách hàng, số khách hàng không đối chiếu được 46 khách hàng, tỷ lệ khách hàng hoàn thành công tác đối chiếu phân loại nợ là 100%. Qua đối chiếu không có phát sinh chênh lệch.

- Thành lập đoàn công tác hỗ trợ PGD huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng thực hiện công tác hỗ trợ củng cố nâng cao chất lượng tín dụng, chất lượng hoạt động.

- Về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng: Chi nhánh tỉnh kịp thời tham mưu Trưởng BDD HĐQT tỉnh giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2022 và điều chỉnh chỉ tiêu cho vay giữa các chương trình cho cho các đơn vị hành chính cấp huyện; chỉ đạo các đơn vị bám sát chỉ tiêu KH được giao; phối hợp chặt chẽ với Tổ chức Hội, Đoàn thể nhận ủy thác và UBND cấp xã thực hiện giải ngân theo tiêu KHTD được giao năm 2022; cân đối kịp thời nguồn vốn đáp ứng nhu cầu giải ngân cho các đơn vị.

3. Công tác Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng

3.1. Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng

1. Chỉ tiêu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn thực hiện đạt: 3.979.871 triệu đồng, tăng 231.908 triệu đồng so với 31/12/2021 (3.747.963 triệu đồng).

Trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương chuyển về: 3.214.943 triệu đồng, tăng 239.658 triệu đồng so với 31/12/2021 (2.975.258 triệu đồng).

- Nguồn vốn ủy thác địa phương: 166.216 triệu đồng, tăng 22.725 triệu đồng so với 31/12/2021 (143.491 triệu đồng).

- Vốn huy động được cấp bù lãi suất: 485.825 triệu đồng, tăng 34.959 triệu đồng so với 31/12/2021 (450.866 triệu đồng) trong đó:

+ Tiền gửi của Tổ viên Tổ TK&VV: 192.630 triệu đồng, tăng 8.507 triệu đồng so với 31/12/2021 (184.123 triệu đồng).

+ Tiền gửi của Tổ chức kinh tế, cá nhân dân cư: 293.195 triệu đồng, tăng 2926.451 triệu đồng so với 31/12/2021 (266.744 triệu đồng).

- Các quỹ và vốn khác: 112.887 triệu đồng.

2) Chỉ tiêu sử dụng vốn:

- Doanh số cho vay 6 tháng : 782.403 triệu đồng.

- Doanh số thu nợ 6 tháng: 552.071 triệu đồng.

- Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách đạt: 3.976.674 triệu đồng, tăng 229.788 triệu đồng 31/12/2021 (3.746.886 triệu đồng);

*** Chất lượng tín dụng:**

+ Nợ quá hạn (NQH): 1.879 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,05%/tổng dư nợ, giảm 288 triệu đồng so với 31/12/2021 (2.167 triệu đồng).

+ Nợ khoanh: 88,97 triệu đồng, tăng 88,97 triệu đồng so với 31/12/2021.

3.2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng

a) Kết quả huy động nguồn vốn:

Vốn huy động được cấp bù lãi suất: KH Trung ương giao 35.000 triệu đồng, thực hiện đạt 34.959 triệu đồng, số còn phải thực hiện: 41 triệu đồng. Trong đó: PGD Đồng Hỷ tăng 5.486/KH 5.900 triệu đồng, Đạt 92,9% KH giao; PGD Phổ Yên tăng 7.985/KH 5.000 triệu đồng, đạt 159% KH giao, PGD Phú Bình tăng 3.142/KH 4.100 triệu đồng, đạt 76,6% KH giao, PGD Phú Lương 4.288/KH 4.500 triệu đồng, đạt 95,3% KH giao, PGD Đại Từ tăng 4.902/KH 4.500 triệu đồng, đạt 108,9% KH giao, PGD Võ Nhai tăng 3.759/KH 3.400 triệu đồng đạt 110,6% KH giao, PGD Định Hóa tăng 4.123/KH 4.300 triệu đồng, đạt 95,9% KH giao, PGD Sông Công tăng 2.035/KH 1.900 triệu đồng, đạt 107% KH giao, Hội sở tỉnh giảm 761 triệu đồng, số còn phải thực hiện 2.260 triệu đồng.

- Tiền gửi của Tổ viên Tổ TK&VV: 192.630 triệu đồng, tăng 8.507 triệu đồng so với 31/12/2021 (184.123 triệu đồng); Trong đó 9/9 đơn vị đều có số dư tăng so đầu năm.

- Tiền gửi của Tổ chức kinh tế và cá nhân toàn tỉnh đạt 293.196 triệu đồng, tăng 26.452 triệu đồng so với 31/12/2021 (266.744 triệu đồng). Trong đó: 8/9 đơn vị có số dư tăng so với đầu năm.

b) Về hoạt động tín dụng đến 30/6/2022:

* Doanh số cho vay 6 tháng: 782.403 triệu đồng, tăng 86.319 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021 với 16.726 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ NHCSXH. Trong đó doanh số cho vay tập trung vào một số chương trình: Cho vay hộ nghèo 175.924 triệu đồng, Cho vay hộ cận nghèo 130.967 triệu đồng, Hộ mới thoát nghèo 71.805 triệu đồng, NS&VSMTNT 118.306 triệu đồng, Cho vay giải quyết việc làm 223.074 triệu đồng.

Kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2022 được TW giao tăng trưởng 100.000 triệu đồng đối với các chương trình cho vay hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm. Đến hết tháng 6, Cho vay hộ nghèo tăng trưởng là 563.809 triệu đồng, Cho vay hộ cận nghèo tăng trưởng là 16.808 triệu đồng, Cho vay hộ mới thoát nghèo tăng trưởng là 6.184 triệu đồng, Cho vay NS&VSMT tăng trưởng 47.220 triệu đồng. Cho vay giải quyết việc làm tăng trưởng là 29.008 triệu đồng. Tổng số tồn chưa giải ngân được của 05 chương trình được giao tăng trưởng là 3.483 triệu đồng. (Trong đó chương trình NSVSMTNT còn tồn 1.428 triệu đồng, QVL còn tồn 1.792 triệu đồng)

* Doanh số thu nợ 6 tháng: 552.071 triệu đồng, giảm 16.371 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó doanh số thu nợ tập trung vào một số chương trình: Cho vay hộ nghèo 123.189 triệu đồng, Cho vay hộ cận nghèo 114.412 triệu đồng, Hộ mới thoát nghèo 65.5520 triệu đồng, Nước sạch & VSMTNT 71.036 triệu đồng; Cho vay QVL: 54.471 triệu đồng; Hộ SXKDVKK 93.392 triệu đồng.

* Tổng dư nợ cho vay các chương trình tín dụng chính sách đạt: 3.976.674 triệu đồng, tăng 229.788 triệu đồng 31/12/2021 (3.746.886 triệu đồng). Tỷ lệ tăng 6,12%; so với KH tăng trưởng TW và địa phương giao; đạt 84%; với 106.170 khách hàng dư nợ. Dư nợ TDCS tập trung vào 7 chương trình sau: Cho vay hộ nghèo 519.063 triệu đồng (chiếm 13%); hộ cận nghèo 625.050 triệu đồng (chiếm 15,7%); hộ mới thoát nghèo 551.063 triệu đồng (chiếm 13,86%) HSSV 68.422 (chiếm 1,72%); QVL 526.837 triệu đồng (chiếm 13,25%); NS&VSMTNT 831.027 triệu đồng (chiếm 20,9%); hộ SXKDVKK 665.944 triệu đồng (chiếm 16,7%).

c) Kết quả đánh giá 5 chỉ tiêu chất lượng hoạt động TDCS 6 tháng đầu năm 2022

(1) Tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn toàn tỉnh đạt 92,76%/tổng nợ đến hạn (cao nhất PGD Võ Nhai 96,35%; thấp nhất PGD Sông Công 85,46 %).

(2) Tỷ lệ thu lãi toàn tỉnh đạt 103,24%/tổng lãi phải thu (cao nhất PGD Đại Từ 104,26 %; thấp nhất PGD Phú Lương 101,06 %).

(3) Chất lượng hoạt động giao dịch xã toàn tỉnh đạt 91,41 điểm; cao nhất PGD Phổ Yên 93,47 điểm, thấp nhất Hội sở tỉnh 87,47 điểm.

(4) Chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV toàn tỉnh đạt 93,7 điểm (cao nhất là PGD Phú Lương 96,18 điểm, thấp nhất PGD Sông Công 91,05 điểm).

(5) Tỷ lệ nợ quá hạn toàn tỉnh 0,05 (cao nhất PGD Định Hóa 0,11%, thấp nhất 02 PGD Đồng Hỷ và Phổ Yên không có NQH).

3.3. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng

a) Quản lý nợ và xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn:

Các đơn vị tuy đã tích cực rà soát, đôn đốc và tìm mọi biện pháp để xử lý Nợ quá hạn; Trong 6 tháng đầu năm 2022, doanh số chuyển NQH là 3.634 triệu đồng; doanh số thu NQH là 3.922 triệu đồng; Nợ quá hạn (NQH): 1.879 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,05%/tổng dư nợ, giảm 288 triệu đồng so với 31/12/2021 (2.167 triệu đồng); Nợ khoanh: 88,97 triệu đồng, tăng 88,97 triệu đồng so với 31/12/2021

b) Nợ hộ vay bỏ đi khỏi nơi cư trú:

NHCSXH nơi cho vay phối hợp chặt chẽ với UBND và tổ chức Hội, Đoàn thể nhận ủy thác cấp xã, Tổ TK&VV thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích nguyên nhân, xác định địa chỉ của hộ vay, theo dõi, giám sát, đôn đốc thu hồi khi hộ vay có mặt tại địa phương; đồng thời làm tốt công tác phối hợp đôn đốc thu hồi các khoản nợ của khách hàng vay vốn NHCSXH từ nơi khác chuyển đến. 6 tháng đầu năm 2022, Chi nhánh có phát sinh số khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú 6 hộ, số tiền 200,9 triệu đồng; đã thu nợ 182,4 triệu đồng. Đến 30/6/2022, số khách hàng bỏ đi khỏi nơi cư trú còn 44 hộ, số dư nợ còn 1.347,9 triệu đồng, trong đó hộ có thông tin cụ thể 5 hộ, số tiền 199,5 triệu đồng; hộ có thông tin nhưng không rõ ràng và hộ không có thông tin là 39 hộ, số tiền 1.148,4 triệu đồng.

c) Công tác xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan:

Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Chi nhánh đã chỉ đạo NHCSXH nơi cho vay chủ động theo dõi, thường xuyên rà soát các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, hướng dẫn khách hàng lập thủ tục đề nghị xử lý rủi ro và phối hợp chặt chẽ với cơ quan liên quan hoàn thiện bộ hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định; 6 tháng đầu năm 2022 Chi nhánh đã trình cấp có thẩm quyền đề nghị xóa nợ đợt 01/2022 là 6 món vay, số tiền: 162.863.259 đồng, Trong đó xóa nợ số tiền gốc 160.546.952 đồng, xóa nợ số tiền lãi 2.316.307 đồng.

Thực hiện việc hạch toán xử lý nợ bị rủi ro do đợt 2/2021 theo Thông báo của NHCSXH: Khoanh nợ 06 món, số tiền 121.665.606 đồng, trong đó gốc 88.967.613 đồng, lãi 32.697.993; Xóa nợ 19 món số tiền 564.520.290 đồng, trong đó gốc 542.965.818 đồng, lãi 21.554.472 đồng. Việc xử lý nợ bị rủi ro kịp thời nhằm góp phần giúp các đối tượng vay vốn khi gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan đã tháo gỡ được khó khăn trước mắt để có thời gian khắc phục thiệt hại, ổn định đời sống, ổn định sản xuất và chuẩn bị nguồn vốn trả nợ Ngân hàng, phản ánh đúng chất lượng tín dụng chính sách.

4. Hoạt động ủy thác của các Tổ chức Hội, Đoàn thể

Đến 30/6/2022, tổng dư nợ ủy thác qua các tổ chức chính trị xã hội là 3.952.530 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 99,39%/tổng dư nợ cho vay của NHCSXH; tăng 224.538 triệu đồng so với 31/12/2021 (3.727.992 triệu đồng).

* Dư nợ phân theo từng tổ chức Hội, Đoàn thể như sau:

TT	Tổ chức Hội, Đoàn thể	Tổng dư nợ đến ngày 30/6/2022 (triệu đồng)				Tỷ trọng dư nợ (%)	Số hộ còn dư nợ (hộ)	Số Tổ Tiết kiệm và vay vốn còn dư nợ (tổ)
		Tổng số	Trong đó					
			Nợ quá hạn	Nợ quá hạn tăng (+) giảm (-) so với năm 2021	Nợ khoanh			
1	Hội Nông dân	1.129.299	306	-91	37	28,57	23.785	797
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.151.927	477	-114		29,15	24.404	806
3	Hội Cựu Chiến binh	881.874	693	-111	9	22,31	17.891	612
4	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	789.430	392	28	43	19,97	15.935	514
Tổng cộng		3.952.530	1.868	-288	89	100	82.015	2.729

- Các Tổ chức Hội, Đoàn thể cấp tỉnh thường xuyên chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung công việc đã ký với NHCSXH; chủ động theo dõi, bám sát tình hình thực hiện công việc ủy thác của tổ chức Hội cấp huyện, cấp xã và ủy nhiệm của Tổ TK&VV, việc chấp hành quy chế hoạt động của Tổ TK&VV, quan tâm củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV.

- Công tác kiểm tra, giám sát được các đơn vị ủy thác quan tâm thực hiện thường xuyên nhằm phát hiện những tồn tại, sai sót, khó khăn, vướng mắc tại cơ sở để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời. Ngay từ đầu năm 2022 đã được Tổ chức Hội, Đoàn thể quan tâm xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra.

5. Hoạt động của Tổ TK&VV:

6 tháng đầu năm 2022, Chi nhánh thường xuyên quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng của Tổ TK&VV theo quy chế quy định, chất lượng hoạt động Tổ TK&VV ngày càng ổn định và phát huy hiệu quả; thực hiện đúng theo Quy ước hoạt động của Tổ; tích cực phổ biến, tuyên truyền, giải thích cho các Tổ viên về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; hướng dẫn hồ sơ, thủ tục vay vốn NHCSXH. Đến nay Chi nhánh có 2.733 Tổ TK&VV đang hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh, giảm 88 Tổ so năm 2021 (kiện toàn lại do sắp xếp).

6. Công tác Kế toán - Ngân quỹ:

Các đơn vị đã tuân thủ đúng nguyên tắc và thực hiện tốt yêu cầu, nhiệm vụ về hạch toán kế toán, các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được ghi nhận phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác, đảm bảo khách quan trung thực, phù hợp với nội dung nghiệp vụ. Công tác kế toán máy đã tuân thủ đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của pháp luật. Thực hiện lập, kiểm soát, phê duyệt, hạch toán, đối chiếu số liệu và lập các loại báo cáo tài chính, báo cáo kế toán theo đúng chế độ quy định. Thực hiện thử tải hệ thống Intellect trên hệ thống dự phòng theo văn bản số 2919/NHCS-CNTT ngày 14/4/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH. Xác nhận

số liệu phục vụ kiểm toán nhà nước theo thư công tác của Ban KTQLTC NHCSXH về tình trạng đất của toàn Chi nhánh, về chi trợ cấp khác. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện hạch toán theo dõi nguồn vốn UTĐT của địa phương theo văn bản số 4128/NHCS-KTTC ngày 27/5/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện giảm lãi cho vay HSSV đối với trường hợp trả nợ trước hạn theo văn bản số 3789/NHCS-KTTC ngày 13/5/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ theo văn bản số 4279/HD-NHCS ngày 30/5/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH.

- Công tác mua sắm, quản lý tài sản: 6 tháng đầu năm đã thực hiện các bước mua sắm tài sản cố định (máy photocopy, máy phát điện); sửa chữa công trình nhà phụ trợ PGD NHCSXH huyện Phú Bình theo thông báo của Tổng Giám đốc NHCSXH. Các đơn vị đã lập đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo dõi tài sản theo quy định, đã phân loại chi tiết theo nhóm tài sản để quản lý, theo dõi trên phần mềm hệ thống Intellect. Ghi nhận kịp thời giá trị tài sản vào sổ sách và thực hiện phân bổ, trích khấu hao theo chế độ.

- Thực hiện tổng hợp kết quả khoán tài chính năm 2021 toàn chi nhánh, lập phương án phân phối quỹ tiền lương năm 2021 của Hội sở tỉnh và các PGD cấp huyện để tham mưu cho Hội đồng tiền lương trình Giám đốc phê duyệt.

Căn cứ thông báo giao phí quản lý của NHCSXH, Phòng kế toán đã chủ động xây dựng kế hoạch tài chính năm 2022 trên cơ sở chi tiết về dư nợ cho vay, về nguồn vốn, lãi suất cho vay, lãi suất huy động... Qua đó xác định kế hoạch về thu nhập và chi phí trong năm 2022 của chi nhánh tham mưu cho Giám đốc chi nhánh xác lập và thông báo giao mức phí quản lý năm 2022 cho các Phòng giao dịch theo nguyên tắc gắn kết quả tài chính với thu nhập của người lao động, tạo cho các đơn vị chủ động tổ chức và thực hiện tốt kế hoạch tài chính; đồng thời có xem xét đến các yếu tố đặc thù làm ảnh hưởng đến kết quả tài chính từng đơn vị nhận khoán nhưng vẫn tuân thủ đúng các chế độ quy định của Nhà nước của ngành.

Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính:

- **Tổng thu:** 158.363 triệu đồng, đạt 100,6% kế hoạch 6 tháng năm 2022, đạt 50,31% kế hoạch năm 2022

- **Tổng chi:** 129.747 triệu đồng, đạt 96,4% kế hoạch 6 tháng năm 2022, đạt 48,22% kế hoạch năm 2022

- **Chênh lệch thu-chi:** 28.616 triệu đồng, đạt 125,2% kế hoạch 6 tháng năm 2022, đạt 62,59% kế hoạch năm 2022

- Công tác quản lý kho quỹ: Các đơn vị đã duy trì đảm bảo an toàn tiền mặt trong giao dịch với khách hàng, đảm bảo an toàn kho, két, vận chuyển tiền mặt đi giao dịch hàng ngày tại các điểm giao dịch xã và trong quá trình điều chuyển tiền.

7. Công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ.

- Tham mưu xây dựng chương trình kiểm tra giám sát của Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh. Tham gia Đoàn kiểm tra Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh Thái Nguyên tại huyện Đại Từ, Võ Nhai, Phú Bình.

- Ban hành Quyết định số 36/QĐ-NHCS ngày 10/1/2022 về Kiện toàn Tiểu ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm của Chi nhánh; Quyết định số 38/QĐ-NHCS ngày 10/01/2022 về Kiện toàn Ban chỉ đạo Quy chế dân chủ ở cơ sở; Kế hoạch số 37/NHCS-KTNB ngày 10/01/2022 về kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng năm 2022; Kế hoạch số 39/KH-NHCS ngày 10/01/2022 về kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2022; Kế hoạch số 62/TBCĐ-NHCS ngày 13/01/2022 về kế hoạch kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền năm 2022.

- Kiểm tra toàn diện các mặt hoạt động tại PGD NHCSXH huyện Sông Công, Đồng Hỷ, Phú Lương, Võ Nhai, Phú Bình và ban hành văn bản chấn chỉnh sau kiểm tra tại các Đơn vị được kiểm tra.

- Thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động tại giao dịch xã theo văn bản 3502/NHCS-TDNN ngày 01/8/2017 của Tổng Giám đốc tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh.

- Thực hiện công tác giám sát từ xa trên chương trình thông tin báo cáo và chạy chương trình hỗ trợ KT740.

- Tại Hội sở tỉnh và các PGD NHCSXH cấp huyện tổ chức thực hiện công tác rà soát, tự rà soát, chỉnh sửa những tồn tại, sai sót trong quá trình hoạt động.

- Thực hiện báo cáo về công tác kiểm tra kiểm toán nội bộ, công tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện HĐQT và các báo cáo khác theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác do Ban Giám đốc Chi nhánh giao.

* Tại PGD cán bộ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra: Kiểm tra kết quả xây dựng, phân giao, điều hành kế hoạch tín dụng theo Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc; Kiểm tra hồ sơ pháp lý của 49 xã, 460 tổ TK&VV; Kiểm tra đối chiếu trực tiếp: 49 xã, 208 Hội đoàn thể, 303 tổ TK&VV, 2.673 hộ vay vốn; Kiểm tra 24 dự án có tài sản đảm bảo; Kiểm tra Điểm GDX: 57 xã, phường, thị trấn; 225.334 chứng từ kế toán. Thực hiện thường xuyên kiểm tra giám sát từ xa qua chương trình tiện ích KT740.

8. Công tác Tin Học

- Đảm bảo hệ thống mạng truyền thông vận hành ổn định không để xảy ra sự cố. Tiếp nhận, chạy thử bản cập nhật bổ sung chương trình TTBC, Intellect Offline; Triển khai cài đặt và vận hành các chương trình do TTCNTT triển khai. Khắc phục kịp thời sự cố máy tính, thiết bị tin học và chương trình phần mềm tại các phòng giao dịch. Triển khai đầy đủ kịp thời các văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc và Giám đốc TTCNTT NHCSXH liên quan đến công tác tin học tại Chi nhánh. Thường xuyên hướng dẫn chi tiết các nghiệp vụ tin học mới, các phần cập nhật bổ sung đảm bảo khả năng vận hành tốt các ứng dụng tại các Phòng giao dịch khi có thay đổi, bổ sung chương trình. Phối hợp với TTCNTT kiểm tra hệ thống HNTH trước mỗi cuộc họp giao ban trực tuyến. Giám đốc Chi nhánh tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị thực hiện các công việc theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc, BDA, TTCNTT.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các module ứng dụng khai thác số liệu theo đặc thù riêng của chi nhánh phục vụ công tác khai thác số liệu và chỉ đạo điều hành trong chi nhánh.

- Phân công cán bộ làm thứ 7 và chủ nhật hỗ trợ các phòng giao dịch thực hiện tốt công việc trên hệ thống intellect online và offline theo văn bản 1452/TB-CNTT ngày 20/5/2014 của Tổng giám đốc NHCSXH.

9. Công tác Hành chính, Tổ chức cán bộ

- **Công tác TCCB:** Đầu năm, tổng hợp kết quả công tác nhận xét đánh giá và phân loại cán bộ năm 2021; Tổng hợp, báo cáo duy trì quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2025. Xây dựng kế hoạch điều động và kế hoạch đào tạo, tập huấn năm 2022. Thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động bổ nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo quản lý: Trong 6 tháng đầu năm 2022 thực hiện quy trình: Điều động và bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc PGD (Định Hóa); Bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc PGD (Võ Nhai); Bổ nhiệm 01 tổ trưởng tổ KHNV (Võ Nhai); Điều động và bổ nhiệm tổ trưởng tổ KHNV (Phổ Yên); Bổ nhiệm lại 02 Tổ trưởng tổ Kế toán (Phổ Yên, Sông Công). Tiếp nhận và phân công công tác đối với 02 cán bộ chuyên vùng công tác từ chi nhánh khác đến (Phú Lương, Phổ Yên). Điều động, sắp xếp, điều chỉnh một số vị trí cán bộ để phát huy hiệu quả công tác, mặt khác nhằm hợp lý hóa gia đình trong cán bộ viên chức. Bố trí cán bộ tăng cường cho các đơn vị cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc. Ký hợp đồng lao động có thời hạn đối với lao động làm công tác bảo vệ, lao công tạp vụ đã hết hạn hợp đồng. Rà soát và thực hiện nâng lương thường xuyên quý I và quý II năm 2022 cho 16 cán bộ viên chức

- Mua sắm văn phòng phẩm, vật liệu văn phòng, tài sản, công cụ lao động; phục vụ và thanh quyết toán các Hội nghị, lễ tân khánh tiết; công tác văn thư, lưu trữ, in ấn tài liệu; bố trí xe phục vụ hoạt động của Ban giám đốc và các phòng CMNV; mua sắm, sửa chữa tài sản, công cụ lao động theo nhu cầu của các phòng tại Hội sở tỉnh.

- Công tác xây dựng cơ bản: Thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản công trình: xây dựng phòng họp 01 tầng, kho lưu trữ, cải tạo các phòng làm việc PGD NHCSXH thị xã Phổ Yên. Phối hợp các cơ quan chức năng, tham mưu Ban giám đốc công tác xin cấp đất hoặc trụ sở dôi dư làm trụ sở Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

- Công tác thi đua khen thưởng: Phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; phong trào thi đấu chuyên đề. Khen thưởng kịp thời tập thể và cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua; thực hiện rà soát, thống kê các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cá nhân, tập thể tại Chi nhánh đạt được trong thời gian qua để lựa chọn, xây dựng và nhân điển hình tiên tiến giai đoạn 2020-2025. Thực hiện công tác thi đua khen thưởng Tổng kết 20 năm triển khai thực hiện tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.

- **Công tác đào tạo, phát huy sáng kiến, nghiên cứu khoa học:** Xây dựng và giao kế hoạch đào tạo, tập huấn năm 2022 đến các phòng giao dịch và văn phòng Hội sở tỉnh để tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ là thành viên BDD là

chủ tịch các xã phường, các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác các cấp và Ban quản lý tổ TK&VV. Cử 13 cán bộ tham gia lớp đào tạo nghiệp vụ Kế toán Ngân quỹ; 01 cán bộ tham gia lớp đào tạo cán bộ mới tuyển dụng; phân công 02 cán bộ mới tuyển dụng học việc thực tế tại cơ sở; Đánh giá, chấm điểm, nghiệm thu 12 sáng kiến đợt 1 năm 2021 trình Hội đồng sáng kiến NHCSXH thẩm định, công nhận. Lựa chọn sáng kiến trình NHCSXH xét, trình công nhận sáng kiến cấp ngành. Tham gia nghiên cứu và hoàn thiện đề tài NCKH cấp chi nhánh, đã được Hội đồng khoa học NHCSXH Quyết định công nhận.

II. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

- Tăng trưởng tín dụng còn thấp so với bình quân chung toàn hệ thống.

III. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022.

Căn cứ kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 và những kết quả đạt được 6 tháng đầu năm; các đơn vị tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

1. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình theo Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ.

2. Tham mưu UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo tổng kết 20 triển khai thực hiện tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP tổ chức tổng kết tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Chỉ đạo đơn vị PGD trực thuộc tổ chức thực hiện tổng kết đảm bảo đúng kế hoạch đã xây dựng.

3. Tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện kế hoạch TD được Trung ương và địa phương giao (bao gồm cả chỉ tiêu nguồn vốn và chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ)

- Đối với nguồn ủy thác địa phương: Các đơn vị chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giao tiếp tục làm việc với các đơn vị liên quan để tham mưu và đề nghị UBND cấp huyện chuyển nguồn vốn ngân sách để cho vay giải quyết việc làm tại địa phương hoặc động viên các Doanh nghiệp chuyển vốn sang NHCSXH để cho vay chương trình giải quyết việc làm và cho vay các đối tượng chính sách khác.

- Đối với nguồn vốn huy động được TW cấp bù lãi suất: Các đơn vị chủ động tìm các giải pháp đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch được giao.

- Thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng: Các đơn vị bám sát chỉ tiêu KHTD được giao năm 2022, tổ chức thực hiện giải ngân hoàn thành chỉ tiêu KHTD được giao; Tăng cường công tác xử lý thu hồi nợ đến hạn theo kế hoạch nhằm tạo nguồn vốn cho vay quy vòng; chấp hành nghiêm túc quỹ an toàn chi trả, sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí nguồn vốn.

- Thường xuyên phối hợp với UBND và Tổ chức Hội, Đoàn thể cấp xã rà soát và nắm bắt nhu cầu vay vốn đối với 3 chương trình (cho vay hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, để và đáp ứng đủ vốn không để tình trạng các hộ thuộc đối tượng có nhu cầu, đủ điều kiện mà không được vay vốn NHCSXH). Đẩy mạnh cho vay nâng mức đến 100 triệu đồng đối với các chương trình theo quy định.

- Đẩy mạnh giải ngân đối với chương trình nhà ở xã hội theo Nghị định 100/NĐ-CP, chú trọng công tác kiểm tra việc sử dụng vốn vay đảm bảo hộ vay sử dụng vốn đúng mục đích xin vay được phê duyệt.

- Tập trung chỉ đạo và ưu tiên bố trí vốn cho PGD huyện Định Hóa góp phần thực hiện Đề án Xây dựng huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2023.

- Tiếp tục đôn đốc, phân tích nguyên nhân món nợ quá hạn, phối hợp với các tổ chức hội đoàn thể nhận ủy thác và chính quyền địa phương tìm giải pháp thu hồi nợ quá hạn, hạn chế nợ quá hạn phát sinh.

- Về xây dựng Kế hoạch tín dụng năm 2023 theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc tại văn bản số 4609/NHCS-KHNV ngày 16/6/2022; văn bản số 57/BĐD-NHCS ngày 04/7/2022 của Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSZXH tỉnh về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2022 và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2023, văn bản số 480/NHCS-KHTD ngày 04/7/2022 của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2022 và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2023. Giám đốc PGD các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 86/QĐ-NHCS và Quyết định số 1026/QĐ-NHCS của Tổng Giám đốc; chỉ đạo cán bộ TD được phân công theo dõi địa bàn xã tham mưu cho UBND xã xác định nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng TDCS của xã được phân công theo dõi, chi tiết đến từng thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng BĐD gửi về NHCSXH tỉnh đúng thời gian quy định.

- Thực hiện kiểm tra chuyên đề Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng theo kế hoạch đã xây dựng.

2. Công tác Kế toán - Ngân quỹ:

Phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch tài chính, thực hiện thu đúng, thu đủ các khoản thu kết hợp với các tiết kiệm chi phí quản lý. Tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về an toàn kho quỹ, về bảo quản, vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá; bảo đảm tuyệt đối tiền, tài sản trong kho, trong vận chuyển và trong kiểm đếm. Thực hiện tốt định mức tồn quỹ tiền mặt và quỹ an toàn chi trả.

Thực hiện tốt văn bản số 4279/HD-NHCS ngày 30/5/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại NHCSXH theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ.

Thực hiện nghiêm túc quy trình nghiệp vụ trên hệ thống Intellect. Hoàn thành công tác quyết toán niên độ 2022 đảm bảo số liệu chính xác, gửi báo cáo lên cấp trên đúng thời gian quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra chuyên đề, tự kiểm tra theo kế hoạch đã xây dựng; thường xuyên giám sát kiểm soát công tác kế toán tài chính của các PGD NHCSXH cấp huyện qua giám sát từ xa trên chương trình TTBC để đôn đốc chỉnh sửa những sai sót tồn tại trong hạch toán kế toán, đồng thời thực hiện tốt công tác phân tích đánh giá tình hình tài chính toàn chi nhánh để có giải pháp xử lý, tháo gỡ kịp thời.

3. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động tại giao dịch xã theo văn bản 3502/NHCS-TDNN ngày 01/8/2017 của Tổng Giám đốc; Tiếp tục tham mưu cho các thành viên BDD HĐQT thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch đã được phân công và nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra; Chủ động xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra, phúc tra đối với PGD cấp huyện chưa thực hiện kiểm tra nhằm hạn chế tồn tại, sai sót; Thực hiện tốt công tác giám sát từ xa trên chương trình thông tin báo cáo và chạy chương trình hỗ trợ KT740, đôn đốc các PGD kịp thời chỉnh sửa những sai sót, tồn tại sau kiểm tra.

- Tại Hội sở tỉnh và các PGD NHCSXH cấp huyện tổ chức thực hiện công tác rà soát, tự rà soát, chỉnh sửa những tồn tại, sai sót trong quá trình hoạt động. Chuẩn bị các điều kiện phục vụ Đoàn Thanh tra Ngân hàng Nhà nước năm 2022 theo Quyết định số 1275/QĐ-THN ngày 24/12/2021 của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra tại PGD NHCSXH cấp huyện tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch đã xây dựng được Phê duyệt tại Quyết định số 849/QĐ-NHCS ngày 29/12/2020 của Giám đốc Chi nhánh.

5. Công tác Tin Học: Triển khai đầy đủ kịp thời các văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc và Giám đốc TTCNTT NHCSXH liên quan đến công tác tin học tại Chi nhánh. Tiếp nhận, triển khai đầy đủ, kịp thời các chương trình phần mềm mới triển khai và phần chỉnh sửa bổ sung chương trình TTBC, Intellect Offline và các phần mềm khác do Trung tâm Công nghệ Thông tin NHCSXH triển khai; Kịp thời xử lý sự cố, đảm bảo các ứng dụng triển khai hoạt động tốt trong toàn tỉnh;

6. Công tác Tổ chức cán bộ: Rà soát, thực hiện quy trình bổ nhiệm lại, điều động, bổ nhiệm sắp xếp cán bộ. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá kiến thức đối với cán bộ. Thực hiện công tác đánh giá kết quả xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân các tháng trong quý. Rà soát thực hiện ký kết đối với lao động hết thời hạn hợp đồng.

- *Công tác lao động - Tiền lương - BHXH:* Thực hiện nâng bậc lương thường xuyên quý III/2021. Thực hiện chế độ BHXH, chế độ hưu trí đối với người lao động, điều chỉnh tăng giảm bảo hiểm quý III/2022.

Thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo quy định; Đẩy mạnh các phong trào thi đua, tạo động lực hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

- Công tác hành chính đảm bảo phục vụ tốt hoạt động của chi nhánh.

- Công tác xây dựng cơ bản: Phối hợp thực hiện công tác xây dựng cơ bản năm 2022 theo thông báo vốn của TW: Nâng cấp, cải tạo nhà phụ trợ PGD NHCSXH huyện Phú Bình (Hiện nay đã đến giai đoạn đấu thầu và thi công xây lắp). Tham mưu và thực hiện công tác xin cấp đất mới để xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh tỉnh. Tổng hợp, lập kế hoạch Xây dựng cơ bản năm 2023 toàn chi nhánh để trình TW theo quy định.

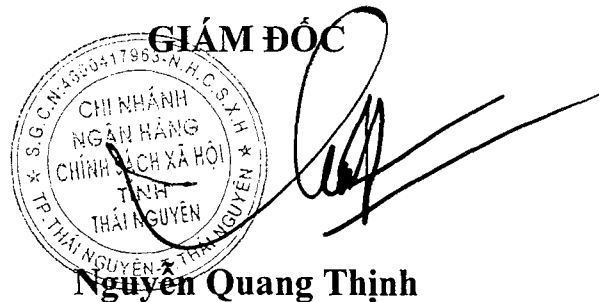
7. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tín dụng chính sách, tình hình phòng chống đại dịch Covid-19 và các sự kiện lớn của Đảng....

Trên đây là báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ tháng 6 tháng cuối năm 2022 của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên, các phòng CMNV tại Hội sở tỉnh, PGD các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình cụ thể tại đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGĐ Chi nhánh (*Chỉ đạo*);
 - Các P.CMNV tỉnh
 - Bộ phận TD Hội sở
 - PGD NHCSXH cấp huyện;
 - Lưu: VT, KHTD.
- } (*để thực hiện*);

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Thịnh



BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH

Ngày 30 Tháng 06 Năm 2022

Đơn vị: triệu đồng, hộ

TT	CHƯƠNG TRÌNH VAY	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
		Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm	Trong tháng	Lũy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoản	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Cho vay ưu đãi hộ nghèo - Nghị định 78/2002	29.176,00	175.924,00	23.484,78	123.189,23	0,00	193,46	519.063,00	518.353,05	674,96	35,00	0,00	478.915,00	40.148,00	9.575	2.631
2	Cho vay hộ cận nghèo - QĐ 15/2013	22.502,00	130.967,50	19.239,82	114.412,48	0,00	0,00	625.049,65	624.778,49	242,19	28,97	200,00	599.339,65	25.510,00	11.506	1.927
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo - QĐ 28/2015	11.635,00	71.805,00	9.138,95	65.520,72	0,00	100,00	551.062,95	550.957,95	105,00	0,00	83,00	550.979,95	0,00	9.835	1.041
4	Cho vay HSSV - QĐ 157/2007	340,50	5.721,50	2.058,06	10.094,52	0,00	0,00	68.422,03	68.371,53	50,50	0,00	0,00	4.648,80	63.773,23	2.001	45
5	Cho vay NS&VSMINT - QĐ 62/2004	18.052,00	118.306,00	9.725,51	71.036,27	0,00	50,51	831.026,66	830.951,60	67,06	8,00	0,00	831.026,66	0,00	44.489	5.927
6	Cho vay giải quyết việc làm - ND 61/2015	84.152,00	223.074,50	8.409,41	54.471,37	0,00	0,00	526.836,95	526.791,75	45,20	0,00	2.051,31	520.420,64	4.365,00	10.085	3.926
7	Cho vay xuất khẩu lao động - ND 61/2015	742,00	2.217,00	400,54	2.674,07	0,00	0,00	6.448,47	6.448,47	0,00	0,00	110,00	6.139,05	199,42	127	34
8	Cho vay DTCS đi lao động có thời hạn ở nước ngoài - QĐ 365/2004	50,00	130,00	165,40	1.558,83	0,00	0,00	2.471,29	2.426,29	45,00	0,00	0,00	2.071,29	400,00	48	2
9	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn - QĐ 31/2007	6.360,00	37.993,50	16.705,94	93.392,44	0,00	50,00	665.943,73	665.454,64	488,10	1,00	430,00	658.210,73	7.303,00	14.594	720
10	Cho vay thương nhân vùng khó khăn - QĐ 92/2009	0,00	100,00	300,00	1.284,25	0,00	0,00	5.280,80	5.191,00	89,80	0,00	250,00	5.030,80	0,00	109	2
11	Cho vay nhà ở xã hội - ND 100/2015	2.905,00	9.125,00	964,40	3.809,24	0,00	0,00	58.466,41	58.466,41	0,00	0,00	0,00	0,00	58.466,41	195	25
12	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 167/2008	0,00	0,00	16,65	189,35	0,00	16,00	318,60	262,60	40,00	16,00	0,00	0,00	318,60	43	0
13	Cho vay hộ nghèo về nhà ở - QĐ 33/2015	0,00	0,00	125,00	485,50	0,00	50,00	49.184,17	49.184,17	0,00	0,00	0,00	0,00	49.184,17	1.973	0
14	Cho vay hộ DTTS ĐBK - QĐ 54/2012	0,00	0,00	17,50	89,50	0,00	8,00	144,50	128,50	16,00	0,00	0,00	144,50	0,00	19	0
15	Cho vay hộ ĐBDTTS nghèo, đời sống khó khăn - QĐ 755/2013	0,00	0,00	123,00	228,00	0,00	0,00	162,00	147,00	15,00	0,00	0,00	162,00	0,00	12	0
16	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi - ND 75/2015	0,00	0,00	50,00	258,00	0,00	0,00	2.897,00	2.897,00	0,00	0,00	0,00	1.587,00	1.310,00	63	0
17	QĐ 2085/2016 - Cho vay hộ Dân tộc thiểu số	0,00	0,00	1.132,00	5.760,20	0,00	75,00	50.498,80	50.498,80	0,00	0,00	220,00	43.777,80	6.501,00	1.066	0
18	Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi	0,00	1.319,08	2.646,00	2.646,00	0,00	0,00	2.342,20	2.342,20	0,00	0,00	2.342,20	0,00	0,00	10	7
19	Cho vay khác	500,00	1.000,00	206,50	971,50	0,00	0,00	6.335,00	6.335,00	0,00	0,00	0,00	6.335,00	0,00	133	20
20	QĐ 09/2022/QĐ-TTg - Cho vay HSSV mua máy vi tính, thiết bị phục vụ học	2.080,00	4.120,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4.120,00	4.120,00	0,00	0,00	0,00	4.120,00	0,00	280	412
21	Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập	260,00	600,00	0,00	0,00	0,00	0,00	600,00	600,00	0,00	0,00	0,00	600,00	0,00	7	7
TỔNG CỘNG		178.754,50	782.403,08	94.909,45	552.071,46	0,00	542,97	3.976.674,22	3.974.706,45	1.878,80	88,97	5.686,51	3.713.508,88	257.478,83	106.170	16.726



BÁO CÁO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: Triệu đồng, %

STT	Chi nhánh tỉnh/thành phố	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn và nợ khoanh				Trong đó							
			Số tiền	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) so với tháng trước	Tăng (+), giảm (-) so với 31/12/2021	Nợ quá hạn				Nợ khoanh			
							Số tiền	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) so với tháng trước	Tăng (+), giảm (-) so với 31/12/2021	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Tăng (+), giảm (-) so với tháng trước	Tăng (+), giảm (-) so với 31/12/2021
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Hội sở tỉnh-T.Nguyên	208.485,97	104,86	0,05	-3,40	-5,90	104,86	0,05	-3,40	-5,90	0,00	0,00	0,00	0,00
2	PGD huyện Đồng Hỷ	480.970,86	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	PGD TX Phố Yên	494.735,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
4	PGD huyện Phú Bình	526.168,49	236,77	0,04	-2,00	-53,00	207,80	0,04	-2,00	-81,97	28,97	0,01	0,00	28,97
5	PGD huyện Phú Lương	415.056,87	209,00	0,05	0,00	12,00	201,00	0,05	0,00	4,00	8,00	0,00	0,00	8,00
6	PGD huyện Đại Từ	569.449,47	432,91	0,08	-24,20	-123,44	432,91	0,08	-24,20	-123,44	0,00	0,00	0,00	0,00
7	PGD huyện Võ Nhai	486.087,05	212,30	0,04	0,00	2,90	160,30	0,03	0,00	-49,10	52,00	0,01	0,00	52,00
8	PGD huyện Định Hóa	602.815,82	660,15	0,11	-56,80	-70,30	660,15	0,11	-56,80	-70,30	0,00	0,00	0,00	0,00
9	PGD TP Sông Công	192.904,74	111,78	0,06	-22,96	38,78	111,78	0,06	-22,96	38,78	0,00	0,00	0,00	0,00
TỔNG CỘNG		3.976.674,27	1.967,77	0,05	-109,36	-198,96	1.878,80	0,05	-109,36	-287,93	88,97	0,00	0,00	88,97



BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH

Định kỳ từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

TT	Phòng giao dịch	Tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn (25 điểm)		Tỷ lệ thu lãi (20 điểm)		Chất lượng hoạt động GD (20 điểm)		Chất lượng hoạt động Tổ TK&VV (15 điểm)		Tỷ lệ nợ quá hạn (20 điểm)		Tổng điểm (100 điểm)	Xếp loại
		Tỷ lệ	Điểm	Tỷ lệ	Điểm	Số điểm của hoạt động GD	Điểm	Số điểm bình quân Tổ TK&VV	Điểm	Tỷ lệ	Điểm		
	TỔNG CỘNG	92,76	21,38	103,24	20,00	91,41	18,28	93,70	14,06	0,05	20,00	93,72	Tốt
1	Hội sở tỉnh-T.Nguyên	96,17	23,09	103,06	20,00	87,47	17,49	94,11	14,12	0,05	20,00	94,70	Tốt
2	PGD huyện Đông Hỷ	89,50	19,75	102,91	20,00	91,35	18,27	93,18	13,98	0,00	20,00	92,00	Tốt
3	PGD TX Phở Yên	95,68	22,84	104,03	20,00	93,47	18,69	94,76	14,21	0,00	20,00	95,74	Tốt
4	PGD huyện Phú Bình	91,91	20,96	103,92	20,00	88,93	17,79	92,38	13,86	0,04	20,00	92,61	Tốt
5	PGD huyện Phú Lương	91,33	20,67	101,06	20,00	92,42	18,48	96,18	14,43	0,05	20,00	93,58	Tốt
6	PGD huyện Đại Từ	93,62	21,81	104,26	20,00	90,06	18,01	93,65	14,05	0,08	20,00	93,87	Tốt
7	PGD huyện Võ Nhai	96,35	23,18	102,32	20,00	92,67	18,53	94,30	14,15	0,03	20,00	95,86	Tốt
8	PGD huyện Định Hóa	93,01	21,51	104,04	20,00	87,91	17,58	93,06	13,96	0,11	19,93	92,98	Tốt
9	PGD TP Sông Công	85,46	17,73	101,58	20,00	91,45	18,29	91,05	13,66	0,06	20,00	89,68	Tốt

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
CHI NHÁNH TỈNH THÁI NGUYÊN



BIỂU THỂ DỒI NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÁC HUYỆN NĂM 2022
(Đến 30/6/2022)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NGÂN SÁCH TỈNH			NGÂN SÁCH HUYỆN			Nguồn vốn của các Chủ đầu tư (Công Ty, Doanh Nghiệp)			TỔNG NGUỒN NHẬN ỦY THÁC ĐẾN 30/6/2022	KH giao năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành KH giao (%)
		Số dư đến 31/12/2021	Số tăng trưởng năm 2022	Số dư đến 30/6/2022	Số dư đến 31/12/2021	Số tăng trưởng năm 2022	Số dư đến 30/6/2022	Số dư đến 31/12/2021	Số tăng trưởng năm 2022	Số dư đến 30/6/2022			
1	Thành phố TN	23,279.24	2,000.00	25,279.24	12,224.62	2,000.00	14,224.62	0.00		0.00	39,503.86	2,000.00	100.00
2	Huyện Đồng Hỷ	3,663.00	1,000.00	4,663.00	4,660.59	1,000.00	5,660.59	1,387.29		1,387.29	11,710.88	1,000.00	100.00
3	Thị xã Phổ Yên	9,355.60	1,000.00	10,355.60	10,171.33	2,000.00	12,171.33	1,445.15	-375.10	1,070.05	23,596.98	1,000.00	162.49
4	Huyện Phú Bình	2,350.00	1,000.00	3,350.00	4,260.89	1,000.00	5,260.89	0.00		0.00	8,610.89	1,000.00	100.00
5	Huyện Phú Lương	4,034.29	1,000.00	5,034.29	3,935.88	1,000.00	4,935.88	0.00		0.00	9,970.17	1,000.00	100.00
6	Huyện Đại Từ	4,271.00	1,000.00	5,271.00	8,534.81	2,500.00	11,034.81	6,335.97		6,335.97	22,641.78	2,000.00	125.00
7	Huyện Võ Nhai	3,250.00	1,000.00	4,250.00	4,549.76	1,100.00	5,649.76	315.93		315.93	10,215.69	1,100.00	100.00
8	Huyện Định Hóa	3,300.00	1,000.00	4,300.00	5,031.82	1,000.00	6,031.82	0.00		0.00	10,331.82	1,000.00	100.00
9	TP Sông Công	20,657.30	1,000.00	21,657.30	6,476.73	1,500.00	7,976.73	0.00		0.00	29,634.03	2,000.00	75.00
	Tổng cộng	74,160.43	10,000.00	84,160.43	59,846.43	13,100.00	72,946.43	9,484.33	-375.10	9,109.23	166,216.09	12,100.00	113.62